

Số: 62 /2026/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 25 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp về xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 357/2025/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp về xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp về xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà thông tin, dữ liệu cung cấp trên hệ thống phần mềm của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý chưa phù hợp thông tin, dữ liệu cung cấp theo quy định của Quyết định này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định tại Quyết định này và Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Thuế tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ+CV VPUBND tỉnh;
- TTPVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, X5.

(Chữ ký)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng

QUY CHẾ

Phối hợp về xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp về xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

Điều 3. Quy định mã định danh điện tử, tài khoản định danh điện tử

Quy định từ Điều 8 đến Điều 12 và theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 357/2025/NĐ-CP về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

Điều 4. Tạo lập và gắn thông tin tài khoản định danh điện tử

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải có danh tính điện tử, được định danh điện tử tuân thủ theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

2. Sở Xây dựng thực hiện gắn thông tin tài khoản định danh điện tử phục vụ kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản cho các cơ quan, tổ chức.

Việc gắn thông tin tài khoản định danh điện tử cho chủ đầu tư các dự án bất động sản trên địa bàn được thực hiện ngay sau khi dự án bất động sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư dự án bất động sản.

Điều 5. Cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Sở Xây dựng: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo các Phụ lục I, III, IV, VII, VIII, IX, X, XI, XII kèm theo Quyết định này.

2. Sở Tư pháp: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo các Phụ lục VI, XIX kèm theo Quyết định này.

3. Công an tỉnh: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo Phụ lục XIII kèm theo Quyết định này.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo Phụ lục I, V, VII, XIV kèm theo Quyết định này.

5. Thuế tỉnh: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo Phụ lục XV kèm theo Quyết định này.

6. Sở Tài chính: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo Phụ lục III, IX, XVI, XVII kèm theo Quyết định này.

7. Thống kê tỉnh: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

9. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 11: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo Phụ lục XVIII kèm theo Quyết định này.

10. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin của Bộ Xây dựng theo Phụ lục I, III kèm theo Quyết định này.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo Phụ lục I, V, VII kèm theo Quyết định này.

12. Chủ đầu tư các dự án bất động sản, các sàn giao dịch bất động sản: Cung cấp thông tin, dữ liệu và cập nhật thông tin, dữ liệu theo hình thức trực tuyến lên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ Xây dựng quản lý theo Phụ lục III, VI kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các chủ đầu tư dự án bất động sản; các sàn giao dịch bất động sản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, dữ liệu định kỳ quý: Trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý công bố.

2. Sở Xây dựng công bố các thông tin tổng hợp về nhà ở và thị trường bất động sản trên phạm vi địa bàn trên Cổng thông tin của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản và trang thông tin điện tử do địa phương quản lý định kỳ quý: Trước ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau quý công bố.

Điều 7. Xử lý thông tin, dữ liệu

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của thông tin, dữ liệu.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, xử lý thông tin, dữ liệu trước khi được tích hợp và lưu trữ vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản để đảm bảo tính chính xác, hợp lý, thống nhất.

3. Trường hợp chỉnh sửa thông tin, dữ liệu trên hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tại địa phương có trách nhiệm phối hợp kiểm tra, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung các thông tin, dữ liệu trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức có liên quan bằng văn bản.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì tiếp nhận, tổng hợp, rà soát, xử lý các thông tin, dữ liệu được quy định tại khoản 5 Điều 38 Nghị định số 357/2025/NĐ-CP.

b) Xây dựng dự toán kinh phí hằng năm từ ngân sách địa phương cho việc điều tra, thu thập thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản và đầu tư, duy trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin quy định.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cấp kinh phí hàng năm từ ngân sách địa phương cho việc điều tra, thu thập thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản và đầu tư, duy trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các chủ đầu tư dự án bất động sản; các sàn giao dịch bất động sản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo Quy chế này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh đến Sở Xây dựng đề tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Phụ lục I

THÔNG TIN CÁC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÃ ĐƯỢC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phát triển
quỹ đất tỉnh; UBND các xã, phường

TT	Nội dung thông tin	Chỉ tiêu	Kết quả đạt được
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Diện tích đất		
1	Nhà ở xã hội		
2	Nhà ở phục vụ tái định cư		
3	Nhà ở công vụ		
4	Cải tạo xây dựng nhà chung cư		
5	Nhà ở khác (nếu có)		
II	Diện tích nhà ở bình quân đầu người		
1	Đô thị		
2	Nông thôn		
III	Diện tích sàn nhà ở, số lượng nhà ở		
1	Dự án nhà ở thương mại		
2	Dự án nhà ở xã hội gồm:		
2,1	- Nhà ở cho người có TNT, công nhân khu công nghiệp		
2,2	- Nhà ở cho lực lượng VT nhân dân		
2,3	- Nhà lưu trú công nhân		
2,4	- Nhà ở do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam đầu tư xây dựng		
3	Nhà ở phục vụ tái định cư		
4	Nhà ở công vụ		
5	Cải tạo xây dựng nhà chung cư		
6	Nhà ở hỗn hợp		
7	Nhà ở thuộc tài sản công		
8	Nhà ở do hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng ngoài dự án (nếu có)		
9	Nhà ở theo các chương trình hỗ trợ về nhà ở, gồm:		
9,1	- Nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ;		

9.2	- Nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các xã nghèo;		
9.3	- Nhà ở theo các chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung;		
9.4	- Chương trình xây dựng cụm; tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long;		
9.5	- Nhà ở theo các chương trình hỗ trợ khác (nếu có).		

Phụ lục II
THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ NHÀ Ở TRONG TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ
VÀ NHÀ Ở; ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ

Đơn vị báo cáo: Thống kê tỉnh

TT	Nội dung thông tin	Số lượng	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
I	Theo mức độ kiên cố		
1	Nhà ở kiên cố và bán kiên cố		
2	Nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ		
II	Theo loại nhà		
1	Chung cư;		
2	Riêng lẻ.		
III	Theo khu vực		
1	Đô thị		
2	Nông thôn.		

Phụ lục III.1
THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ DỰ ÁN NHÀ Ở

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

[illegible]

[illegible]

Phụ lục III.2
THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ DỰ ÁN NHÀ Ở

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng

[illegible]

Phụ lục III.3

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ lục IV
THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ NHÀ Ở CÔNG VỤ
ĐƯỢC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng

TT	Thông tin chung	Thông tin chi tiết		
		Số lượng	Diện tích	Giá cho thuê
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Nhà ở công vụ đang quản lý			
1	Biệt thự			
2	Chung cư			
3	Nhà ở liền kề			
II	Nhà ở công vụ đang bố trí cho thuê			
1	Biệt thự			
2	Chung cư			
3	Nhà ở liền kề			

Phụ lục V
THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở

Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã phường

TT	Thông tin, dữ liệu về các chương trình hỗ trợ về nhà ở	Quy mô diện tích đất (ha)	Theo kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương		Kết quả số lượng hoàn thành		Thông tin về Chương trình phát triển nhà ở được phê duyệt (đính kèm theo định dạng *.pdf)
			(05 năm)		(tính đến thời điểm báo cáo)		
			SL	DT	SL	DT	
			(căn, căn hộ)	(m ²)	(căn, căn hộ)	(m ²)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng						
1	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
c	Đất ở						
2							
II	Chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo						

1	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
c	Biệt thự (nếu có)						
2							
III	Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung						
1	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
2							
IV	Nhà ở theo các chương trình hỗ trợ khác (nếu có).						
1	Tên dự án						
a	Nhà ở riêng lẻ						
b	Chung cư						
2							

Phụ lục VI
THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN

Đơn vị báo cáo: Sở Tư pháp, Chủ đầu tư các dự án BĐS

[illegible]

PHỤ LỤC VII.1
THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU NHÀ Ở CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Môi trường

[illegible]

PHỤ LỤC VII.2
THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU NHÀ Ở CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Đơn vị báo cáo: UBND các xã, phường

[illegible]

Phụ lục VII.3
THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU NHÀ Ở CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng

TT	Nội dung	Cho thuê		Nhà ở đã bán		Chuyển đổi công năng		Thu hồi	
		Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Nhà ở thuộc tài sản công								

Phụ lục VIII.1**THÔNG TIN VỀ THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH, HỖ TRỢ NHÀ Ở****Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng**

TT	Nội dung	Số định danh cá nhân	Thông tin về Chương trình, chính sách hỗ trợ về nhà ở
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thông tin về cá nhân được thụ hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở theo các chương trình hỗ trợ về nhà ở		

Phụ lục VIII.2**THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN ĐƯỢC THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI****Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng, Chủ đầu tư các dự án NOXH**

TT	Số định danh cá nhân	Hình thức		Tên dự án nhà ở xã hội	Địa điểm xây dựng dự án
		Mua	Thuê mua		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					

Phụ lục IX.1
THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính

TT	Sàn giao dịch bất động sản							
	Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp					Nhân sự	Giao dịch	
	Tên sàn giao dịch	Số định danh tổ chức	Số định danh cá nhân của người quản lý điều hành	Địa chỉ	Tình trạng hoạt động (đang hoạt động, tạm ngừng, chấm dứt)	Số lượng nhân viên có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Số lượng	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Phụ lục IX.2

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN**Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng**

TT	Tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản							
	Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp					Nhân sự	Giao dịch	
	Tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới	Số định danh tổ chức	Số định danh cá nhân của người quản lý điều hành	Địa chỉ	Tình trạng hoạt động (đang hoạt động, tạm ngừng, chấm dứt)	Số lượng nhân viên có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Số lượng	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2,..								

Phụ lục IX.3

Thông tin, dữ liệu về tổ chức kinh doanh dịch vụ bất động sản**Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng**

TT	Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản				
	Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp				
	Tên tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn	Số định danh tổ chức	Số định danh cá nhân của người quản lý điều hành	Địa chỉ	Tình trạng hoạt động (đang hoạt động, tạm ngừng, chấm dứt)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1					
2					

Phụ lục X
THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng

TT	Họ và tên	Số định danh cá nhân	Mã định danh điện tử chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.			Số Quyết định cấp chứng chỉ	Báo cáo về tình hình tổ chức kỳ thi sát hạch (đính kèm định dạng *.pdf *.doc)
			a) Mã tỉnh/thành phố;	b) Số định danh cá nhân/số định danh người nước ngoài;	c) Dãy ký tự tự nhiên thể hiện ngày, tháng, năm cấp chứng chỉ; số hiệu chứng chỉ; bị thu hồi (nếu có).		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							

Phụ lục XI

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN, ĐIỀU HÀNH SÀN GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng

TT	Thông tin về tổ chức, doanh nghiệp				Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin pháp lý có liên quan
	Tên cơ sở đào tạo	Số định danh tổ chức	Số định danh cá nhân của người quản lý điều hành	Địa chỉ đăng ký hoạt động	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

PHỤ LỤC XII

Thông tin, dữ liệu về đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư

Đơn vị báo cáo: Sở Xây dựng

[illegible]

Phụ lục XIII**THÔNG TIN, DỮ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN DÂN CƯ, ĐỊNH DANH ĐỊA ĐIỂM****Đơn vị báo cáo: Công an tỉnh**

TT	Thông tin về dân cư	Địa điểm	Xử lý vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực nhà ở và kinh doanh bất động sản	Số định danh cá nhân	Số định danh người nước ngoài	Số định danh tổ chức.
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						

PHỤ LỤC XIV**THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT CHO NGƯỜI VIỆT NAM VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI****Đơn vị báo cáo: Sở Nông nghiệp và Môi trường/ Văn phòng đăng ký đất đai**

TT	Thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
	Địa chỉ, số nhà	Thông tin về thế chấp, giải chấp đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của bất động sản, dự án bất động sản	Mã định danh thửa đất
(1)	(2)	(3)	(4)

Phụ lục XV**THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN****Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính**

TT	Thuế thu nhập cá nhân, tổ chức phải nộp đối với các loại bất động sản		
	Đất ở đô thị	Đất ở nông thôn	Bất động sản khác
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>

Phụ lục XVI

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÓ VỐN NƯỚC NGOÀI

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính

[illegible]

Phụ lục XVII
THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC
KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Đơn vị báo cáo: Sở Tài chính

TT	Tên tổ chức phát hành	Số lượng trái phiếu phát hành		Tổng giá trị trái phiếu phát hành (Số liệu được tổng hợp tính đến thời điểm báo cáo)
		Thị trường trong nước	Thị trường quốc tế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Phụ lục XVIII

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ TÍN DỤNG TRONG LĨNH VỰC BẤT ĐỘNG SẢN; THẾ CHẤP, GIẢI CHẤP

Đơn vị báo cáo: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh 11

[illegible]

Phụ lục XIX

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ SỐ LƯỢNG, GIÁ TRỊ GIAO DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

Đơn vị báo cáo: Sở Tư pháp

[illegible]